TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 56/2025/DS-ST
Ngày: 28-3-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
- Bà Phan Thị Sơn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ*** *tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 665/2024/TLST- DS ngày 02/12/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-DS ngày 24/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST – DS ngày 12/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty T1 (Việt Nam)

Địa chỉ: A P, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H - Chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần La Ngọc H1 - Chức vụ: Trưởng phòng tố tụng (vắng mặt).

Uỷ quyền tham gia tố tụng cho: Công ty L

Địa chỉ: Số B L, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cồ Lê H2 - Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T - Nhân viên (có đơn xin vắng mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 300/GUQ-2024 ngày 18/12/2024)

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:

Ngày 02/11/2022, Công ty T1 (gọi tắt là *Công ty T1*) có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3873138 về việc cấp tín dụng cho bà Huỳnh Thị N số tiền 31.980.000 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi mốt triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng)*, trong đó bao gồm: 30.000.000 đồng tiền vay và 1.980.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 44%/năm. Thời hạn vay là 24 tháng tính từ ngày 10/12/2022 đến ngày 10/11/2024.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, ngày 02/11/2022, Công ty T1 đã tiến hành giải ngân đủ số tiền vay cho bà Huỳnh Thị N theo đúng quy định trong Hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã thanh toán được 4 kỳ với tổng số tiền: 8.151.000 đồng *(Bằng chữ:Tám triệu, một trăm năm mươi mốt nghìn đồng)* Tuy nhiên, từ ngày 13/03/2023 bà N không trả thêm bất cứ khoản tiền nào đối với khoản vay mà phía Công ty T1 đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn. Công ty đã nhiều lần nhắc nhở, liên hệ qua điện thoại đề nghị bà N tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đồng thời, công ty cũng tiến hành gửi thư thông báo trực tiếp đến bà N biết về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bà N vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào đối với Công ty T1.

Do đó, công ty M khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết: Buộc bà Huỳnh Thị N hoàn trả ngay cho Công ty T1 (Việt Nam) toàn bộ khoản vay tính đến ngày 03/5/2024 là:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 28.660.337 đồng

- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn): 10.527.647 đồng

- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi phạt gốc): 5.440.101 đồng

- Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi chậm trả): 661.415 đồng

Tổng cộng bao gồm dư nợ gốc, lãi, phí là: **45.289.500 đồng** *(Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm đồng)*

- Buộc bà Huỳnh Thị N thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 04/5/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay nói trên.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị N:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn bà Huỳnh Thị N theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên bà N không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì

vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, nhưng có văn bản đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:* Buộc bà Huỳnh Thị N hoàn trả ngay cho Công ty T1 (Việt Nam) toàn bộ khoản vay tính đến ngày 28/3/2025 là:

Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 28.660.337 đồng

Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn): 11.764.961 đồng

Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi phạt gốc): 19.975.498 đồng

Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi chậm trả): 1.710.058 đồng

Tổng cộng bao gồm dư nợ gốc, lãi, phí là: **62.110.854 đồng** *(Sáu mươi hai triệu, một trăm mười nghìn, tám trăm lăm mươi bốn đồng)*

Bà N còn phải thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 29/3/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán.

- *Bị đơn bà Huỳnh Thị N vắng mặt.*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị N phải thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Công ty T1, cụ thể khoản nợ tính đến ngày 28/3/2025 là 62.110.854 đồng *(Sáu mươi hai triệu, một trăm mười nghìn, tám trăm năm mươi bốn đồng)*. Buộc bà N tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi và phí phát sinh tính từ ngày 28/3/2025 cho đến khi Công ty T1 thu hồi hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3873138 ngày 31/10/2022 được ký kết giữa Công ty T1 và bà Huỳnh Thị N với mục đích vay tiêu dùng cá nhân, nay có phát sinh tranh chấp nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Bị đơn bà Huỳnh Thị N cư trú tại phường H, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và trong thời hạn khởi kiện.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Nội dung:

[2.1]. Xét tính pháp lý của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên:

Công ty T1 là một tổ chức tín dụng nên tổ chức và hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng. Công ty T1 ký kết Hợp đồng tín dụng theo "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 3873138 ngày 31/10/2022 với bà Huỳnh Thị N là phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng được ký kết dựa trên sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái quy định hay vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Căn cứ hợp đồng tín dụng các bên đã ký xác định, số tiền Công ty T1 cho bà N vay là 31.980.000 đồng, lãi suất 3,67%/tháng tính theo dư nợ gốc trả giảm dần, hình thức vay tín chấp, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 24 tháng, hình thức thanh toán trả góp hàng tháng vào ngày 10 hàng tháng tính từ ngày ngày 10/12/2022 đến ngày 10/11/2024, mỗi kỳ thanh toán số tiền 2.037.695 đồng, kỳ cuối thanh toán số tiền 2.646.448 đồng. Thực hiện hợp đồng bà N đã nhận đủ số tiền vay đồng thời thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền 8.151.000 đồng, bao gồm một phần nợ gốc, tiền lãi và phí phát sinh tính đến ngày 12/3/2023. Từ ngày 13/3/2023 đến nay bà N không tiếp tục thanh toán nợ cho Công ty T1.

Theo yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 xác định tính đến ngày 28/3/2025 bà N còn nợ Công ty T1 số tiền gốc là 28.660.337 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bà N cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh quá trình vay và thanh toán của mình, tuy nhiên bà N từ chối tham gia tố tụng, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trong trường

hợp này bị đơn được xem là cố tình vắng mặt nhằm từ chối thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Việc bà N không thanh toán nợ đúng hạn là vi phạm thoả thuận tại Mục 8 của "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 3873138 ngày 31/10/2022. Nên căn cứ vào quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự cần buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T1 số tiền nợ gốc là 28.660.337 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi: Công ty T1 xác định tính đến ngày 28/3/2025 bà N còn nợ Công ty T1 số tiền lãi 33.450.517 đồng gồm:

Số tiền lãi phát sinh trong hạn: 11.764.961 đồng

Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 19.975.498 đồng

Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán: 1.710.058 đồng

Tại Khoản 2 Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 quy định *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* và Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC quy định: *"1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. 2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất."*

Như vậy lãi suất trong hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng được áp dụng theo cơ chế tự thỏa thuận, miễn không chạm mức lãi suất do pháp luật hình sự cấm thì đều được công nhận. Do đó lãi suất trong hạn theo thoả thuận của các bên tại Mục 3.7 của "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 3873138 ngày 31/10/2022 với mức 3,67%/tháng là phù hợp. Việc bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngoài việc thanh toán nợ gốc và lãi trong hạn còn phải thanh toán lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả theo thoả thuận tại Mục 8.3 của "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 3873138 ngày 31/10/2022 là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 28/3/2025 cho Công ty T1 là 33.450.517 đồng.

Bà N phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi và phí phát sinh tính từ ngày 28/3/2025 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi Công ty T1 thu hồi hết nợ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bà N thanh toán cho Công ty T1 số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 28/3/2025 là 62.110.854 đồng *(Sáu mươi hai triệu, một trăm mười nghìn, tám trăm năm mươi bốn đồng)*.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên cần buộc bị đơn bà Huỳnh Thị N đóng án phí dân sự sơ thẩm là 62.110.854 đồng x 5% = 3.106.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
Khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
Điều 11, Điều 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N1;
Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam) đối với bà Huỳnh Thị N về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Buộc bà Huỳnh Thị N thanh toán cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền nợ tính đến ngày 28/3/2025 là **62.110.854 đồng** *(Sáu mươi hai triệu, một trăm mười nghìn, tám trăm năm mươi bốn đồng)*, trong đó:

Số tiền nợ gốc: 28.660.337 đồng

Số tiền lãi phát sinh trong hạn: 11.764.961 đồng

Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 19.975.498 đồng

Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán: 1.710.058 đồng

Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 3873138 ngày 31/10/2022 kể từ ngày 29/3/2025 cho đến khi Công ty T1 (Việt Nam) thu hồi hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị N phải nộp số tiền 3.106.000 đồng (Ba triệu, một trăm lẻ sáu nghìn đồng).

H3 lại cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền 1.132.000 đồng (Một triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004183 ngày 29/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Phú Mỹ;
- Chi cục THADS tp. Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thảo Nguyên